

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-PT
Ngày 12-9-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Vũ Thị Lan Anh -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2019/QĐPT-DS ngày 29/7/2019; các Quyết định hoãn phiên tòa số 45A/2019/QĐ-PT ngày 13/8/2019, số 48/2019/QĐ-PT ngày 28/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số X, đường L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật SME và cá nhân. (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Huy Đ và ông Phạm Tuấn A – Nhân viên xử lý nợ V. (Văn bản ủy quyền số 3368/2018/UQ-VPB)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Ông Đ, ông Tuấn A, ông T có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* **Đại diện nguyên đơn trình bày:** Ngày 28/11/2016, Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 với ông Nguyễn Văn T theo hình thức vay tín chấp, mục đích cho vay tiêu dùng. Ngày 09/12/2016, Ngân hàng giải ngân hợp đồng trên, đã cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, tính từ ngày 09/12/2016, lãi suất 30%/năm tính trên số nợ gốc, được điều chỉnh lãi suất theo cơ chế 3 tháng một lần, mức điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Ông T đã nhận đủ số tiền 140.000.000 đồng. Từ ngày 09/12/2016 đến nay ông T mới trả cho Ngân hàng số tiền là 18.153.669 đồng tiền gốc, 18.236.645 đồng tiền lãi trong hạn và 240.743 đồng tiền lãi phạt của Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191.

Ngày 28/3/2017, Ngân hàng tiếp tục ký kết hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 với ông T theo hình thức vay tín chấp, mục đích cho vay tiêu dùng. Ngày 30/3/2017 Ngân hàng đã giải ngân theo tài khoản thẻ tín dụng trên cho ông T vay số tiền 69.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 30/3/2017, lãi suất vay được điều chỉnh theo cơ chế 3 tháng một lần, mức điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Ông T đã nhận đủ số tiền 69.000.000 đồng. Từ ngày 30/7/2017 đến nay ông T mới trả cho Ngân hàng được số tiền là 1.243.595 đồng của Hợp đồng tín dụng này.

- Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi của 02 Hợp đồng tín dụng gồm:

+ Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191: Tiền gốc là 121.846.301 đồng, nợ lãi là 77.776.146 đồng. Cộng là 209.622.447 đồng (Tính đến ngày xét xử 10/4/2019, nợ lãi là 110.926.896 đồng. Cộng cả gốc và lãi là 232.773.197 đồng. Riêng phần lãi phạt chậm trả tính đến ngày 09/4/2019 là 53.090.067 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng đã rút yêu cầu).

+ Hợp đồng thông qua thẻ tín dụng số 203-P-703975: Tiền gốc là 68.756.405 đồng, nợ lãi là 42.101.386 đồng. Cộng là 110.857.792 đồng (Tính đến ngày xét xử 10/4/2019 nợ lãi là 63.616.173 đồng. Cộng cả gốc và lãi là 132.372.578 đồng.)

Tổng cộng ông T phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi của 02 Hợp đồng trên tính đến ngày 10/4/2019 cho Ngân hàng là: 365.145.775 đồng. Đồng thời buộc ông T

phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc với lãi suất theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông T theo 02 Hợp đồng trên cho đến khi ông T trả xong toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

*** Bị đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày:** Năm 2016 ông có vay của Ngân hàng TMCP V 2 khoản vay như Ngân hàng đã trình bày. Ông đã nhận đủ tiền và đã trả được số nợ gốc, nợ lãi cho hợp đồng như ngân hàng trình bày là đúng. Số tiền còn nợ theo yêu cầu của Ngân hàng ông nhất trí, tuy nhiên ông T đề nghị được thanh toán trả số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Ông T nhất trí về việc Ngân hàng không yêu cầu ông phải trả khoản tiền phạt chậm trả.

Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã áp dụng các Điều 277, 278, 280, 292 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, 90, 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc + lãi của 02 Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 và Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 tính đến hết ngày 10/4/2019 cho Ngân hàng gồm: tổng số tiền nợ gốc là 190.602.706 đồng, tổng số tiền nợ lãi là 174.543.069 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 365.145.775 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

1.2. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc chưa thi hành án với lãi suất bằng 30%/năm theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông T theo 02 Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi ông T trả xong toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Ngoài ra án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 04/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải với những nội dung sau:

+ Ngân hàng khởi kiện buộc ông T phải trả nợ lãi trong hạn theo hai hợp đồng tín dụng là 30%/năm và ông T cũng nhất trí với yêu cầu của Ngân hàng. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận lãi suất theo số liệu thể hiện trong bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp của Hợp đồng LD 1634400191 số tiền 110.926.896 đồng (có thời điểm lãi suất vượt quá 30%/năm) là vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự và không đúng với yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 và Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 nhưng Ngân hàng không giao nộp cho Tòa án 02 Hợp đồng trên, Tòa án cũng không yêu cầu Ngân hàng giao nộp là vi phạm Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện, giải quyết không đúng yêu cầu khởi kiện, không thu thập đầy đủ chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, vì vậy đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình bổ sung kháng nghị: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải theo hướng buộc ông T có nghĩa vụ trả nợ theo “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” và “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” giữa Ngân hàng và ông T.

- Người đại diện của nguyên đơn trình bày: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng không yêu cầu lãi suất 30%/năm mà yêu cầu tiền lãi bằng số tiền cụ thể, số tiền lãi đó được tính đúng theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh T, đó là lãi suất ban đầu là 30%/năm, được điều chỉnh 3 tháng một lần theo quyết định của Ngân hàng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, Ngân hàng đã cung cấp bổ sung đầy đủ tài liệu chứng cứ. Vì vậy Ngân hàng không đồng ý với Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần quyết định của bản án sơ thẩm về lãi suất sau ngày xét xử sơ thẩm, vì tòa án sơ thẩm đã tuyên không đúng thỏa thuận của Ngân hàng và ông T, vì vậy sẽ không thi hành án được.

- Bị đơn – ông T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của Ngân hàng, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông không có khả năng trả nợ Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông trả nợ 10.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình là có căn cứ, đúng pháp luật, tuy nhiên những vi phạm, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm đã được

Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng và ông T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 và Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 là không có cơ sở, vì số của hợp đồng nêu trên chỉ do Ngân hàng đặt tên tự động trên hệ thống máy tính, các tài liệu chứng cứ không thể hiện số hiệu hợp đồng đó. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo hướng buộc ông T có nghĩa vụ trả nợ theo “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử”, “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình ban hành trong hạn luật định là hợp lệ để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về thu thập chứng cứ:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018, Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo 02 Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 và Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975. Tuy nhiên, trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Ngân hàng không giao nộp cho Tòa án 02 Hợp đồng trên và Tòa án cũng không yêu cầu Ngân hàng giao nộp.

Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, khi Tòa án yêu cầu, Ngân hàng đã giải trình về việc: Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191 được thể hiện bằng “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” của ông Nguyễn Văn T ngày 28/11/2016. Ngân hàng đã cung cấp bổ sung chứng cứ là văn bản “Phần xác nhận chấp thuận cho vay của V” và “Thông báo cho vay” thể hiện các nội dung chấp thuận của Ngân hàng đối với đề nghị vay của ông T ngày 28/11/2016. Số của hợp đồng LD 1634400191 là số được định danh trên hệ thống máy tính của Ngân hàng khi hồ sơ đề nghị vay được phê duyệt nên không thể hiện trên giấy đề nghị của ông T.

Đối với Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 là “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” mà ông T ký với Ngân hàng ngày 28/3/2017. Ngân hàng đã cung cấp bổ sung chứng cứ

là blog tin nhắn của Ngân hàng gửi tới số điện thoại của ông T 01663332181 từ ngày 29/3/2017 đến 04/4/2017 thông qua dịch vụ viễn thông Viettel, thể hiện việc Ngân hàng chấp thuận đề nghị mở thẻ tín dụng của ông T, thông báo số tiền ông T đã sử dụng tài khoản thẻ và nộp Bảng sao kê tài khoản thẻ của ông T. Số hợp đồng 203-P-703975 cũng chính là số được định danh trên hệ thống máy tính của Ngân hàng khi hồ sơ đề nghị mở thẻ tín dụng của ông T được chấp thuận, vì vậy không thể hiện trên “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” của ông T.

Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, mới chỉ thu thập các chứng cứ thể hiện đề nghị được vay vốn của ông T, chưa có chứng cứ chứng minh việc chấp thuận của Ngân hàng, chưa có căn cứ xác định thỏa thuận giữa bên vay, bên cho vay về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất... - là vi phạm Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về nội dung này tại thời điểm kháng nghị là có căn cứ. Song những vi phạm này đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát.

[2.2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về việc Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông T phải trả tiền gốc còn nợ và tiền lãi theo 2 hợp đồng tín dụng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191: nợ gốc là 131.846.301; nợ lãi 77.776.146 đồng; Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975: Nợ gốc 68.756.405 đồng, nợ lãi 42.101.386 đồng. Ngoài ra còn yêu cầu ông T phải trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Xét thấy: Tại Đơn khởi kiện, Ngân hàng không yêu cầu mức lãi suất cố định là 30%/năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng không trình bày cụ thể về thỏa thuận lãi suất, không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ như đã phân tích tại mục [2.1] nêu trên; tại biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện đại diện Ngân hàng trình bày lãi suất của 2 hợp đồng tín dụng là 30%/năm. Như vậy, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm thì kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về nội dung này là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 28/11/2016 và “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” ngày 28/3/2017 của ông T đều ghi rõ: Các nội dung về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay; hạn mức tín dụng, thời hạn hạn mức, lãi suất sẽ được Ngân hàng quyết định sau khi thẩm định đề nghị của ông T, nội dung chấp thuận của Ngân hàng được coi là thỏa thuận chính thức giữa khách hàng và Ngân hàng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm,

Ngân hàng đã nộp văn bản thể hiện nội dung chấp thuận của Ngân hàng đối với đề nghị vay của ông T ngày 28/11/2016, có nội dung chấp thuận cho ông T vay 140.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 30%/năm được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là 01/4/2017. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn tương ứng với kỳ hạn khoản vay của khách hàng mà Ngân hàng áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ điều chỉnh 22%/năm. Lãi suất bán vốn do Ngân hàng quyết định theo từng thời kỳ. Đối với Hợp đồng thông qua tài khoản thẻ tín dụng số 203-P-703975 cũng được Ngân hàng quyết định cho vay với lãi suất được điều chỉnh định kỳ tương tự.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận lãi suất theo số liệu thể hiện trong bảng kê tính lãi do Ngân hàng cung cấp phù hợp với thỏa thuận của Ngân hàng và ông T, được thể hiện tại các tài liệu chứng cứ Ngân hàng đã nộp bổ sung tại cấp phúc thẩm nêu trên, như vậy là không vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

[3] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tại phiên tòa về việc sửa án sơ thẩm để xác định đúng tên gọi của hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên, xét thấy tài liệu do đương sự cung cấp không có chứng cứ nào thể hiện 2 hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng và ông T có số LD 1634400191 và 203-P-703975, vì vậy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về phần lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ “...bằng 30%/năm theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông T theo 02 Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi ông T trả xong toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng” là không đúng quy định pháp luật, không đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các đương sự, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Xét thấy nội dung này tuy không có kháng cáo, kháng nghị, nhưng có liên quan trực tiếp đến kháng nghị, vì vậy cần sửa bản án sơ thẩm về phần quyết định lãi suất chậm thi hành án.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông T trả tiền lãi phạt chậm trả là 53.090.067 đồng, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm không quyết định đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu này của nguyên đơn là vi phạm khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc áp dụng pháp luật nội dung của bản án sơ thẩm còn có điều luật không chính xác: áp dụng cả điều luật về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ khi hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự trong vụ án là cho vay tín chấp.

Vì vậy cần áp dụng Điều 293, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình về những nội dung nêu trên và rút kinh nghiệm với Tòa án cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/5/2019 (bổ sung kháng nghị tại phiên tòa ngày 12/9/2019) của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

Áp dụng các Điều 277, 278, 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 3, 90, 91 Luật của các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng.

[1.1] Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi của các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T, theo “Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử” (Ngân hàng tự định danh là Hợp đồng tín dụng số LD 1634400191) và “Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử” (Ngân hàng tự định danh là Hợp đồng tín dụng số 203-P-703975), tính đến hết ngày 10/4/2019 gồm: tổng số tiền nợ gốc là 190.602.706 đồng, tổng số tiền nợ lãi là 174.543.069 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 365.145.775 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi lăm đồng).

[1.2] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T tại 02 Hợp đồng tín dụng trên.

[2] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc buộc ông Nguyễn Văn T phải thanh toán trả Ngân hàng 53.090.067 đồng tiền lãi phạt chậm trả, do Ngân hàng rút yêu cầu.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 12/9/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND huyện Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình